ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28 /2026/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 20 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phân cấp trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và quy định trình tự, thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 305/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 5 năm 2026; Báo cáo số 661/BC-SNNMT ngày 12/6/2026 và của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 369/BC-STP ngày 18/6/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về phân cấp trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và quy định trình tự, thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ được phân cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 49/2026/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường; các sở, ban, ngành;

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền

1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện:

a) Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định tại Điều 78 Luật Đất đai.

b) Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.

c) Thu hồi đất hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 81 Luật Đất đai.

d) Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

đ) Phê duyệt phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Điều 87 Luật Đất đai.

2. Thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện:

a) Giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 118 Luật Đất đai thuộc địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã.

b) Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai.

c) Chấp thuận hoặc không chấp thuận cho tổ chức kinh tế việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án theo Điều 127 Luật Đất đai đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Điều 118 Luật Đất đai.

d) Chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với đối tượng là cá nhân quy định tại Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

e) Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai.

g) Phê duyệt phương án sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai.

h) Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn; mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 219 Luật Đất đai.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tại Điều này là cơ quan, người có thẩm quyền: thu hồi, điều chỉnh, đính chính, đối với trường hợp người sử dụng đất đã có quyết định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và các trường hợp theo quy định của Quyết định này; thực hiện các trình tự, thủ tục để thực hiện thẩm quyền quy định tại Điều này.

Điều 4. Trình tự, thủ tục trong lĩnh vực đất đai

1. Quy định Trình tự, thủ tục trong lĩnh vực đất đai (chi tiết tại Phụ lục I).

2. Các mẫu biểu thực hiện thủ tục hành chính (chi tiết tại Phụ lục II).

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các công việc, nhiệm vụ tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết tiếp tục thực hiện.

2. Đối các công việc, nhiệm vụ tiếp nhận sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này được thực hiện đến trước ngày 01 tháng 3 năm 2027. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để phù hợp với việc tổ chức chính quyền 02 cấp thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu ban hành danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, bảo đảm thống nhất, thông suốt giữa thủ tục hành chính về đất đai với các thủ tục hành chính khác có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đăng công khai các trình tự, thủ tục hành chính về đất đai ban hành kèm theo Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Chính phủ (BC);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Lạng Sơn;
- Công báo tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM;
- Lưu: VT, KTCN (ĐTT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Cảnh Toàn